

Xem toàn bộ từ vựng



**clocks** /kloʊks/

những cái đồng hồ

There are two clocks.

Có 2 cái đồng hồ.



**locks** /lɒks/

những cái ổ khóa

There are two locks.

Có 2 cái ổ khóa.



**mops** /mɒps/

những chổi lau nhà

There are four mops.

Có 4 cái chổi lau nhà.



**pots** /pɒts/

những cái nồi

These are new pots.

Đây là những cái nồi mới.

